

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1061* /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác
bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Bồi thường Nhà nước (Bộ Tư pháp);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1061 /QĐ-UBND ngày 20/6 /2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, tổ chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo quy định Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp giữa các cơ quan thực hiện nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật về bồi thường nhà nước, các quy định của pháp luật có liên quan; nguyên tắc phát huy tính chủ động, trách nhiệm trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, không làm cản trở đến hoạt động của cơ quan, tổ chức và ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân.

2. Xác định nhiệm vụ chủ trì và phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm đảm bảo giải quyết vụ việc thuộc trách nhiệm bồi thường của Nhà nước kịp thời, công khai, bình đẳng, thiện chí, trung thực, đúng pháp luật.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước

a) Hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước (quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 73 Luật TNBTCNN và Điều 1, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

b) Xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước (quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN; điểm a, b khoản 1 Điều 40 Luật TNBTCNN và

Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây viết tắt là Nghị định số 68/2018/NĐ-CP);

c) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước (quy định tại điểm b, c, khoản 3, Điều 73 Luật TNBTCNN và Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước);

d) Theo dõi công tác bồi thường nhà nước, bao gồm các nội dung: Lập danh mục vụ việc giải quyết yêu cầu bồi thường; yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo về việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ; trách nhiệm gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả cho cơ quan quản lý nhà nước (quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN và Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

đ) Theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước (quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN; Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

e) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước (quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN; Điều 34 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

g) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm về việc thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi do mình quản lý (quy định tại điểm g, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN);

h) Kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; yêu cầu Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường trong trường hợp có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 48 của Luật TNBTCNN mà không ra quyết định hủy (quy định tại điểm h, khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN; Điều 28, Điều 29, Điều 30 Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

i) Báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước (quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 73, Điều 74, Điều 75 Luật TNBTCNN; Điều 35 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP và Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Thông tư số 08/2019/TT-BTP);

2. Giải quyết yêu cầu bồi thường

a) Xác minh thiệt hại (quy định tại Điều 45 Luật TNBTCNN; Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP);

b) Thương lượng bồi thường (quy định tại Điều 46 Luật TNBTCN và Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP);

c) Chi trả tiền bồi thường (quy định tại Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63 Luật TNBTCNN);

d) Xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại (quy định tại Điều 45, Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67, Điều 68 Luật TNBTCNN và Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP);

3. Xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước; bố trí công chức đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ công chức được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước (quy định tại điểm a, i khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN).

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Phối hợp bằng văn bản

- Cơ quan chủ trì xây dựng tài liệu tóm tắt nội dung vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến, trong đó nêu rõ vấn đề cần lấy ý kiến, quan điểm của mình đối với vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến; gửi công văn trao đổi ý kiến, tài liệu cho cơ quan được đề nghị phối hợp. Tại công văn trao đổi ý kiến, cơ quan chủ trì nêu thời gian đề nghị cơ quan phối hợp trả lời.

- Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu; trả lời đúng nội dung và gửi công văn trả lời đúng thời hạn nêu trong văn bản lấy ý kiến của cơ quan chủ trì.

2. Phối hợp bằng hình thức tổ chức cuộc họp liên ngành

- Cơ quan chủ trì chuẩn bị tài liệu cuộc họp gồm: tóm tắt nội dung vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến, trong đó, nêu rõ vấn đề cần lấy ý kiến và quan điểm của cơ quan chủ trì đối với vụ việc hoặc nội dung lấy ý kiến; gửi giấy mời và tài liệu cuộc họp cho các cơ quan phối hợp được mời tham gia cuộc họp. Kết thúc cuộc họp, cơ quan chủ trì công bố và gửi biên bản cuộc họp cho các cơ quan tham gia cuộc họp.

- Cơ quan phối hợp được mời họp có trách nhiệm cử đại diện theo đúng yêu cầu. Đại diện được cử có trách nhiệm chuẩn bị ý kiến góp ý và tài liệu theo yêu cầu của cơ quan chủ trì tổ chức cuộc họp.

3. Thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra liên ngành

- Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cơ quan được kiểm tra thực hiện theo quy định tại các Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

- Cơ quan phối hợp tham gia góp ý kiến cho Kế hoạch kiểm tra, cử đại diện tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra, cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan chủ trì đúng nội dung yêu cầu.

4. Các hình thức phù hợp khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh và tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quản lý nhà nước, giải quyết yêu cầu bồi thường bằng hình thức phù hợp tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế.

3. Kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả trong trường hợp quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả không phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 66 của Luật TNBTCNN.

4. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án: Xây dựng, thực hiện kế hoạch kiểm tra định kỳ; khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bồi thường nhà nước tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất theo đúng quy định.

5. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho đội ngũ công chức, lãnh đạo phụ trách công tác bồi thường nhà nước.

6. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống kê, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Điều 6. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

1. Hằng năm tổ chức triển khai công tác bồi thường nhà nước trong Tòa án nhân dân hai cấp theo chỉ đạo, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện và chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện trong công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thực hiện kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo việc gửi các bản án đã có hiệu lực pháp luật có nội dung giải quyết yêu cầu về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định.

5. Thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 7. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

1. Hằng năm tổ chức triển khai công tác bồi thường nhà nước trong hệ thống kiểm sát theo chỉ đạo, hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện giải quyết bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả, thực hiện xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

5. Tham gia thương lượng với tư cách là thành phần bắt buộc đối với các vụ việc yêu cầu bồi thường trong tố tụng hình sự.

6. Thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 8. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng hình sự và thi hành án hình sự trên địa bàn tỉnh.

2. Hằng năm, ban hành kế hoạch triển khai công tác bồi thường nhà nước theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Công an và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định, trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường.

Điều 9. Trách nhiệm của Cục thi hành án dân sự

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

2. Ban hành Kế hoạch triển khai công tác bồi thường nhà nước; thực hiện và chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định, trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường.

3. Thực hiện thống kê, báo cáo; cung cấp thông tin, phản hồi kiến nghị do Sở Tư pháp đề nghị khi phát sinh hoặc theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường được đảm bảo kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí bồi thường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định, trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường.

3. Tham gia xác minh thiệt hại đối với các vụ việc khi được cơ quan giải quyết bồi thường đề nghị.

4. Tham gia thương lượng việc bồi thường với tư cách là thành phần được cơ quan giải quyết bồi thường mời trong trường hợp cần thiết.

5. Thực hiện thống kê, báo cáo; cung cấp thông tin, phản hồi kiến nghị theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc của Bộ Tư pháp (nếu có).

Điều 11. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

1. Tổ chức triển khai công tác bồi thường nhà nước trong hệ thống bảo hiểm xã hội theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cơ quan bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

3. Phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan liên quan trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường, tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu (khi có văn bản đề nghị); đôn đốc việc thực hiện giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả.

4. Thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Hằng năm, căn cứ kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định, trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền; kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường.

3. Chỉ đạo cơ quan trực thuộc, cơ quan cấp dưới thực hiện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

4. Phòng Tư pháp làm đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác bồi thường nhà nước; thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hằng năm, căn cứ kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp trên, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

2. Thực hiện nội dung về công tác giải quyết bồi thường (khi phát sinh vụ việc); phối hợp để thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, cơ quan, tổ chức cá nhân khác có liên quan

1. Căn cứ Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị chủ động ban hành Kế hoạch công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép vào Kế hoạch công tác chuyên môn phù hợp.

2. Chủ trì giải quyết yêu cầu bồi thường, xác minh thiệt hại, thương lượng, thực hiện thủ tục chi trả và hoàn trả trong trường hợp phát sinh vụ việc bồi thường ngay tại

cơ quan, đơn vị; tham gia thương lượng với tư cách là thành viên được cơ quan giải quyết bồi thường mời; tham gia hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là đại diện của cơ quan liên quan đến việc gây thiệt hại.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại, đề nghị định giá tài sản, giải quyết thiệt hại hoặc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường.

4. Thực hiện thống kê, báo cáo, cung cấp thông tin theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả

Trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 7 Điều 15, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, khoản 3 Điều 51 và khoản 4 Điều 66 luật TNBCTCN (gửi văn bản giấy hoặc gửi qua hệ thống văn bản điện tử), cụ thể:

1. Bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường.
2. Thông báo thụ lý hồ sơ; Thông báo không thụ lý hồ sơ; Văn bản cử người giải quyết bồi thường.
3. Quyết định hủy, sửa chữa, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường.
4. Quyết định hoãn giải quyết bồi thường.
5. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường.
6. Quyết định đình chỉ giải quyết bồi thường.
7. Quyết định hoàn trả.

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước theo nhiệm vụ phân công tại Kế hoạch này và quy định của pháp luật.

Điều 17. Kinh phí thực hiện

Các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế.



